TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31./2021/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Khê, ngày 14 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đức T, sinh năm 1973

Nghề nghiệp: Bộ đội. Nơi công tác: Kho K28- Cục k QK 2, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức T và chị Hoàng Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Anh Đ- sinh ngày 28/6/2007 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung

thành niên (đủ 18 tuổi), anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 1.500.000đ/ tháng kể từ tháng 12/2021 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng.

Cháu Trần Trung Hiếu- sinh ngày 23/01/2003 đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Trần Đức T xin chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007735 ngày 06/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND TT C;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Ninh Thị Hồng